

Biên soạn: Cô Vũ Thị Mai Phương

IELTS: 8.0 & TOEIC: 990/990

Tốt nghiệp Thạc sĩ giảng dạy tại Edith Cowan University

CẨM NANG ★ ĐỀ MINH HỌA 2025

MÔN TIẾNG ANH



UNIMAP
TÀI LIỆU - KHÓA HỌC

- MA TRẬN CHI TIẾT
ĐỀ THI MINH HỌA 2025
- LỜI GIẢI CHI TIẾT KÈM
VIDEO CHỮA CHI TIẾT
- ĐỊNH HƯỚNG HỌC HIỆU QUẢ
THEO ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

MÙA THI NĂM 2025



KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT QUỐC GIA NĂM 2025

Bài thi: NGOẠI NGỮ; Môn thi: TIẾNG ANH

MA TRẬN CHI TIẾT ĐỀ THI MINH HỌA

Thời gian làm bài: 50 phút, 40 câu hỏi trắc nghiệm

Cô Vũ Thị Mai Phương

STT	Dạng bài	Phạm trù kiến thức	Số câu	NB	TH	VD
1	Đọc điền thông báo	Từ loại/ Phân từ	1	x		
		Trật tự từ	1	x		
		Rút gọn mệnh đề quan hệ	1		x	
		Giới từ	1	x		
		Cụm từ cố định (Collocations)	1	x		
		Động từ nguyên mẫu có to	1	x		
2	Đọc điền từ rơi	Từ hạn định/ Lượng từ	2	x	x	
		Cụm động từ	1		x	
		Cụm giới từ	1		x	
		Từ vựng	2			XX
3	Sắp xếp đoạn hội thoại/ lá thư/ đoạn văn	Sắp xếp đoạn hội thoại	2	x	x	
		Sắp xếp lá thư	1		x	
		Sắp xếp đoạn văn	2			XX
4	Đọc điền khuyết thông tin	Câu bị động	1		x	
		Mệnh đề quan hệ	1			X
		Ngữ cảnh câu	3			XXX
5	Đọc hiểu 8 câu	Câu hỏi thông tin chi tiết	1	x		
		Câu hỏi từ vựng gần nghĩa	1		x	
		Câu hỏi từ vựng trái nghĩa	1		x	
		Câu hỏi về từ quy chiếu	1	x		
		Câu hỏi về paraphrasing	1			X
		Câu hỏi TRUE/NOT TRUE	1			X
		Câu hỏi về thông tin theo đoạn	2		xx	
6	Đọc hiểu 10 câu	Câu hỏi về điền câu phù hợp vào đoạn	1		x	
		Câu hỏi từ vựng gần nghĩa	1		x	
		Câu hỏi về từ quy chiếu	1		x	
		Câu hỏi thông tin chi tiết	1		x	
		Câu hỏi ý chính	2			XX
		Câu hỏi từ vựng trái nghĩa	1			X
		Câu hỏi TRUE/NOT TRUE	1			X
		Câu hỏi về paraphrasing	1			X
		Câu hỏi suy luận	1			X
Tổng			40	9	15	16

PHÂN TÍCH & NHẬN ĐỊNH ĐỀ

Đề thi minh họa 2025 như ‘chị em song sinh’ của bài thi Đánh giá năng lực HSA?

- Toàn bộ đề thi là các dạng bài **Đọc điền, Đọc hiểu và sắp xếp.**
 - Các câu hỏi như **Ngữ âm, trọng âm, và câu hỏi ngắn KHÔNG** còn xuất hiện.
 - Các câu hỏi nhận biết và thông hiểu **chiếm 2/3 đề thi**, còn lại là các câu hỏi **vận dụng.**
 - Các câu hỏi **Ngữ pháp (15 câu)** phần lớn ở mức **nhận biết và thông hiểu.**
 - Dạng bài **sắp xếp đoạn văn/lá thư** yêu cầu thí sinh phải có **kỹ năng đọc hiểu tốt**, không thể dựa vào các từ nối như firstly, secondly, moreover ...
 - Dạng bài **đọc điền khuyết thông tin** có mức độ **khó**, yêu cầu thí sinh phải vận dụng được các nội dung kiến thức ngữ pháp và hiểu ngữ cảnh đoạn.
 - Số lượng câu hỏi trong bài **đọc hiểu** cũng **dài hơn** (18 câu cho 2 bài đọc). Đồng thời, một số dạng câu hỏi ‘lạ’ cũng xuất hiện như **paraphrasing, thông tin theo đoạn hoặc điền câu vào đoạn phù hợp.**
- Đề thi đòi hỏi **kỹ năng Đọc hiểu tốt** từ những dạng văn bản ngắn và dễ cho tới các dạng văn bản khó và phức tạp.

HƯỚNG ÔN TẬP

- Nắm chắc các nội dung **Ngữ pháp** trong Sách giáo khoa.
- Nắm chắc các **từ vựng trong Sách Giáo khoa và mở rộng vốn từ** theo các chủ đề mà SGK 10-11-12 đề cập. Em sẽ được học đầy đủ nhất trong **khóa Flashcard Online** của cô nhé!
- Rèn kỹ năng làm các bài Đọc thường xuyên theo **phương pháp 30-30-30** ⁽¹⁾
- Làm các đề thi chuẩn format với phương pháp Luyện đề chuẩn – Hiệu quả ⁽²⁾. Giai đoạn đầu nên làm các đề dễ và sau đó mới nâng dần độ khó.

Các em cứ yên tâm vì đã có cô Mai Phương ở đây rồi. Cô cũng đã ngay lập tức điều chỉnh, cập nhật chương trình học **PRO 3M & PRO 3MPLUS** theo định hướng ra đề mới nhất này luôn để các em được **Học TRỌNG TÂM - Học ĐÚNG - Học TRÚNG** nhất nhé. Chăm chỉ mỗi ngày cùng cô thì từ **3-4-5 đạt điểm 9+** trong 250 ngày cuối **KHÔNG KHÓ** em nhé.



Cô Vũ Thị Mai Phương

KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT QUỐC GIA NĂM 2025

Bài thi: NGOẠI NGỮ; Môn thi: TIẾNG ANH

ĐỀ THI MINH HỌA

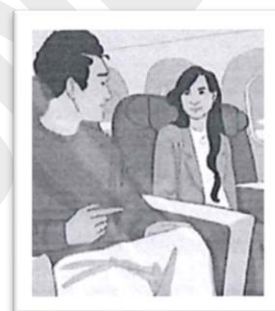
Thời gian làm bài: 50 phút, 40 câu hỏi trắc nghiệm

VIDEO Chữa đề chi tiết các Em xem **TAI ĐÂY**

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

→ MAKING FRIENDS IN THE SKY →

"Who will I sit next to? Will they be interesting or will they be really (1)_____?" Are these the questions that you often ask yourself before a (2)_____? But that's all going to change! An airline company has introduced a new system (3)_____ 'Meet & Seat'. Now you can choose your next-door neighbour. When you book your tickets, you can show your social media profile (4)_____. everyone on the plane. You will also see everyone else's profile. Then you can choose who you want to sit next to. If you want to talk about work and (5)_____ business contacts, look at people's professional network profiles. And if you prefer (6)_____ fun and chat about travelling and shopping, look at their social network profiles!



(Adapted from C21 Smart)

DỊCH BÀI:

MAKING FRIENDS IN THE SKY

"Who will I sit next to? Will they be interesting or will they be really boring?" Are these the questions that you often ask yourself before a long plane journey? But that's all going to change! An airline company has introduced a new system called 'Meet & Seat'. Now you can choose your 'next-door neighbour'. When you book your tickets, you can show your social media profile to everyone on the plane. You will also see everyone else's profile. Then you can choose who you want to sit next to. If you want to talk about work and make business contacts, look at people's professional network profiles. And if you prefer to have fun and chat about travelling and shopping, look at their social network profiles!

KẾT BẠN TRÊN BẦU TRỜI

"Tôi sẽ ngồi cạnh ai? Họ sẽ thú vị hay họ sẽ thật sự nhàm chán?" Liệu đây có phải là những câu hỏi mà bạn thường tự hỏi bản thân trước một chuyến hành trình máy bay dài hay không? Nhưng tất cả điều đó sắp thay đổi! Một công ty hàng không đã giới thiệu một hệ thống mới có tên là "Meet & Seat". Giờ đây bạn có thể chọn "hàng xóm cạnh bên" cho mình. Khi bạn đặt vé, bạn có thể có thể cho mọi người trên máy bay thấy hồ sơ mạng xã hội của mình. Bạn cũng sẽ thấy hồ sơ của những người khác. Sau đó bạn có thể chọn người mà bạn muốn ngồi cạnh. Và nếu bạn thích vui vẻ và tán gẫu về du lịch và mua sắm, hãy xem hồ sơ mạng xã hội của họ!

Question 1: A. boring B. bored C. boringly D. boredom

Hướng dẫn giải

- A. boring (adj): nhàm chán
B. bored (adj): cảm thấy buồn chán
C. boringly (adv): một cách buồn chán
D. boredom (n): sự buồn chán

Ta cần dùng tính từ sau to be và trạng từ 'really'. Ở đây ta muốn chỉ tính cách của đối tượng, nên ta dùng boring.

Tạm dịch: Will they be interesting or will they be really boring?
(Họ sẽ thú vị hay họ sẽ thật sự nhàm chán?)

→ **Chọn đáp án A**

Question 2: A. long journey plane B. long plane journey
C. plane long journey D. journey long plane

Hướng dẫn giải

Cụm từ: plane journey: hành trình bằng máy bay

Ta dùng tính từ long trước cụm danh từ plane journey.

Tạm dịch: Are these the questions that you often ask yourself before a long plane journey?
(Liệu đây có phải là những câu hỏi mà bạn thường tự hỏi bản thân trước một chuyến hành trình máy bay dài hay không?)

→ **Chọn đáp án B**

Question 3: A. which called B. calling C. was called D. called

Hướng dẫn giải

Rút gọn mệnh đề quan hệ:

Mệnh đề quan hệ dạng bị động rút gọn bằng cách lược bỏ đại từ quan hệ và to be, giữ nguyên V3/V-ed.

Câu gốc: An airline company has introduced a new system which is called 'Meet & Seat'.

Tạm dịch: An airline company has introduced a new system called 'Meet & Seat'.

(Một công ty hàng không đã giới thiệu một hệ thống mới có tên là "Meet & Seat".)

→ **Chọn đáp án D**

Question 4: A. for B. in C. by D. to

Hướng dẫn giải

Cấu trúc: show something to somebody: cho ai thấy cái gì

Tạm dịch: When you book your tickets, you can show your social media profile to everyone on the plane.

(Khi bạn đặt vé, bạn có thể cho mọi người trên máy bay thấy hồ sơ mạng xã hội của mình.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 5: A. do B. make C. book D. put

Hướng dẫn giải

Cụm từ (Collocations): make contact: tạo dựng liên lạc

Tạm dịch: If you want to talk about work and make business contacts, look at people's professional network profiles.

(Nếu bạn muốn nói chuyện về công việc và tạo liên hệ kinh doanh, hãy xem hồ sơ mạng lưới chuyên nghiệp của mọi người.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 6: A. to having B. having C. have D. to have

Hướng dẫn giải

Động từ nguyên mẫu có to: prefer to do something: thích làm gì

Tạm dịch: And if you prefer to have fun and chat about travelling and shopping, look at their social network profiles!

(Và nếu bạn thích vui vẻ và tán gẫu về du lịch và mua sắm, hãy xem hồ sơ mạng xã hội của họ!)

→ **Chọn đáp án D**

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

TO SAVE THE PLANET, BEGIN AT HOME!

Let's look at what we can do at home each day to save the planet.

Facts and figures:

Farming with synthetic chemicals has killed insects and (7)_____ animals. Meanwhile, we (8)_____ 80 million cans each day and 45,000 tonnes of plastic packaging each year. These kill up to one million seabirds a year.

Positive action!

Buy and consume fresh, organic food and drinks, especially things produced locally. This reduces the need for long-distance food (9)_____.

Don't always buy food that comes in cans or plastic packaging. (10)_____ buying a pre-packaged sandwich, make your own! That helps reduce the (11)_____ of rubbish you produce.

Reuse packaging where possible. Separate paper, plastic, and metal (12)_____ and recycle them.

(Adapted from Move on)

DỊCH BÀI:

To Save the Planet, Begin at Home!

Let's look at what we can do at home each day to save the planet.

*** Facts and figures:**

Farming with synthetic chemicals has killed insects and other animals. Meanwhile, we throw away 80 million cans each day and 45,000 tonnes of plastic packaging each year. These kill up to one million seabirds a year.

*** Positive action!**

- Buy and consume fresh, organic food and drinks, especially things produced locally. This reduces the need for long-distance food transport.
- Don't always buy food that comes in cans or plastic packaging. Instead of buying a pre-packaged sandwich, make your own! That helps reduce the amount of rubbish you produce.
- Reuse packaging where possible. Separate paper, plastic, and metal items and recycle them.

Để bảo vệ hành tinh, bắt đầu từ chính ngôi nhà!

Hãy nhìn vào những gì chúng ta có thể làm ở nhà mỗi ngày để bảo vệ hành tinh.

*** Thông tin và số liệu:**

Việc canh tác bằng hóa chất tổng hợp đã giết chết côn trùng và các động vật khác. Đồng thời, chúng ta vứt bỏ 80 triệu lon mỗi ngày và 45,000 tấn bao bì nhựa mỗi năm. Những thứ này giết chết đến 1 triệu chim biển mỗi năm.

*** Hành động tích cực!**

- Mua và tiêu thụ thức ăn và thức uống tươi, hữu cơ, nhất là những đồ được sản xuất tại địa phương. Điều này làm giảm nhu cầu vận chuyển thức ăn đường dài.
- Đừng lúc nào cũng mua thức ăn đóng hộp hoặc có bao bì nhựa. Thay vì mua sandwich chuẩn bị sẵn, hãy tự làm! Điều đó giúp giảm bớt lượng rác thải bạn sản sinh.
- Hãy tái sử dụng bao bì khi có thể. Phân loại các vật dụng giấy, nhựa, và kim loại và tái chế chúng.

Question 7. A. others B. other C. the others D. another

Hướng dẫn giải

A. others: những cái khác

B. other + N (số nhiều/không đếm được): những cái khác

C. the other: cái còn lại (trong 2 cái)

D. another + N (số ít): một cái khác

Tạm dịch: Farming with synthetic chemicals has killed insects and other animals.

(Việc canh tác bằng hóa chất tổng hợp đã giết chết côn trùng và các động vật khác.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 8. A. throw away B. give in C. pass out D. put off

Hướng dẫn giải

Kiến thức cụm động từ (Phrasal verbs):

- throw away: vứt cái gì

- give in: nhượng bộ cái gì

- pass out: phân phát cái gì

- put off: hoãn cái gì

Tạm dịch: Meanwhile, we throw away 80 million cans each day and 45,000 tonnes of plastic packaging each year. (Đồng thời, chúng ta vứt bỏ 80 triệu lon mỗi ngày và 45,000 tấn bao bì nhựa mỗi năm.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 9. A. storage B. transport C. preservation D. preparation

Hướng dẫn giải

A. storage (n): sự lưu trữ

B. transport (n): sự vận chuyển

C. preservation (n): sự bảo quản

D. preparation (n): sự chuẩn bị

Tạm dịch: This reduces the need for long-distance food transport.

(Điều này làm giảm nhu cầu vận chuyển thức ăn đường dài.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 10. A. Instead of B. On account of C. Irrespective of D. In view of

Hướng dẫn giải

A. Thay vì

B. Do

C. Bất kể

D. Xét về mặt

Tạm dịch: Instead of buying a pre-packaged sandwich, make your own!

(Thay vì mua sandwich chuẩn bị sẵn, hãy tự làm!)

→ **Chọn đáp án A**

Question 11. A. number B. level C. amount D. quality

Hướng dẫn giải

A. number (n): số lượng

B. level (n): mức độ

C. amount (n): lượng

D. quality (n): chất lượng

the amount of + danh từ không đếm được

Tạm dịch: That helps reduce the amount of rubbish you produce. (Điều đó giúp giảm bớt lượng rác thải bạn sản sinh.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 12. A. items B. factors C. resources D. substances

Hướng dẫn giải

Kiến thức từ vựng:

- item (n): món đồ, vật dụng
- factor (n): nhân tố
- resource (n): tài nguyên
- substance (n): chất

Tạm dịch: Separate paper, plastic, and metal items and recycle them.
 (Phân loại các vật dụng giấy, nhựa, và kim loại và tái chế chúng.)

→ **Chọn đáp án A**

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following Questions from 13 to 17.

Question 13.

- a. Nam: Hi, Mark! Long time no see. You look so good!
 b. Nam: Yes, I have. I exercise every morning and eat more healthy food.
 c. Mark: Hi, Nam! Thanks. You look so fit, too. Have you worked out a lot lately?

(Adapted from Global Success)

A. c-a-b B. b-c-a C. c-b-a D. a-c-b

DỊCH BÀI:

Nam: Hi, Mark! Long time no see. You look so good! Mark: Hi, Nam! Thanks. You look so fit, too. Have you worked out a lot lately? Nam: Yes, I have. I exercise every morning and eat more healthy food.	Nam: Chào, Mark! Lâu rồi không gặp. Bạn trông thật khỏe mạnh! Mark: Chào, Nam! Cảm ơn. Bạn cũng trông rất cân đối. Gần đây bạn có tập thể dục nhiều không? Nam: Minh có. Minh tập thể dục mỗi sáng và ăn nhiều thức ăn lành mạnh.
---	---

→ **Chọn đáp án D**

Question 14. a. Alex: Why online classes?

- b. Sue: I'm going to try online classes.
 c. Alex: How are you going to improve your English?
 d. Alex: I think online classes are too expensive. I don't think I'll try them. e. Sue: They improve our communication skills, and they have flexible schedules.

(Adapted from i-Learn Smart World)

A. c-b-a-e-d B. c-e-d-b-a C. d-b-a-e-c D. d-e-a-b-c

DỊCH BÀI:

Alex: How are you going to improve your English? Sue: I'm going to try online classes. Alex: Why online classes? Sue: They improve our communication skills, and they have flexible schedules. Alex: I think online classes are too expensive. I don't think I'll try them.	Alex: Bạn định cải thiện tiếng Anh của mình ra sao? Sue: Mình dự định thử các lớp trực tuyến. Alex: Tại sao là các lớp trực tuyến? Sue: Chúng cải thiện kỹ năng giao tiếp của chúng ta, và chúng có thời gian linh hoạt. Alex: Mình nghĩ các lớp trực tuyến quá đắt tiền. Mình không nghĩ mình sẽ thử chúng.
---	--

→ **Chọn đáp án A**

Question 15. Hi Gemma,

- a. But it was interesting to watch these videos.
- b. Thanks so much for the guitar lesson videos you sent me last week.
- c. You know, we ought to practise together for some time. What do you think?
- d. Thanks also for the tip about the free websites with musical lesson videos-they are much better than the sites I've been following.
- e. It's really nice to learn how to play a new instrument like the guitar, but I am too busy at the moment, so I'm focusing on my violin lessons for now.

Write back soon.

Billy

(Adapted from THINK)

A. d - b - a - c - e

B. b-e-a-d-c

C. a-d-b-c-e

D. c-a-d-b-e

DỊCH BÀI:

Hi Gemma,

Thanks so much for the guitar lesson videos you sent me last week. It's really nice to learn how to play a new instrument like the guitar, but I am too busy at the moment, so I'm focusing on my violin lessons for now. But it was interesting to watch these videos. Thanks also for the tip about the free websites with musical lesson videos - they are much better than the sites I've been following. You know, we ought to practise together for some time. What do you think?

Write back soon.

Billy

Chào Gemma,

Cảm ơn rất nhiều về những video dạy guitar mà bạn đã gửi cho mình vào tuần trước. Thật tuyệt khi học cách chơi một nhạc cụ mới như guitar, nhưng hiện tại mình đang rất bận, nên mình đang tập trung vào các bài học violin trước đã. Tuy nhiên, thật thú vị khi xem những video đó. Cảm ơn bạn cũng đã chia sẻ thông tin về các trang web miễn phí với video dạy nhạc – chúng thực sự tốt hơn nhiều so với những trang mà mình đã theo dõi. Bạn biết không, chúng ta nên luyện tập cùng nhau một thời gian. Bạn nghĩ sao?

Hãy phản hồi sớm nhé.

Billy

→ **Chọn đáp án B**

Question 16.

- a. While deadlines and flexibility are essential aspects of this job, the occasional office meeting for project updates, for instance, is a small trade-off.
- b. Working remotely from home fuels my creativity and allows for a more productive environment.
- c. Indeed, for the past year, I have thrived in this role at a local company, where I craft engaging online content and develop effective strategies.
- d. My passion for both people and technology naturally led me to a fulfilling career in social media management.
- e. In conclusion, I am incredibly happy with my current position and the opportunities it provides, as it perfectly combines my interests and skills.

(Adapted from Bright)

A. d-c-b-a-e

B. a-b-c-d-e

C. b-c-d-a-c

D. c-a-d-b-e

DỊCH BÀI: My passion for both people and technology naturally led me to a fulfilling career in social media management. Indeed, for the past year, I have thrived in this role at a local company, where I craft engaging online content and develop effective strategies. Working remotely from home fuels my creativity and allows for a more productive environment. While deadlines and flexibility are essential aspects of this job, the occasional office meeting for project updates, for instance, is a small trade-off. In conclusion, I am incredibly happy with my current position and the opportunities it provides, as it perfectly combines my interests and skills.	Niềm đam mê với con người và công nghệ đã dẫn dắt tôi đến một sự nghiệp thỏa mãn trong lĩnh vực quản lý mạng xã hội. Thật vậy, trong suốt một năm qua, tôi đã phát triển mạnh mẽ trong vai trò này tại một công ty địa phương, nơi tôi sáng tạo nội dung hấp dẫn và xây dựng các chiến lược hiệu quả. Làm việc từ xa tại nhà giúp tôi khơi gợi sự sáng tạo và tạo ra một môi trường làm việc năng suất hơn. Mặc dù thời hạn và tính linh hoạt là những khía cạnh quan trọng của công việc, nhưng chẳng hạn những cuộc họp văn phòng thỉnh thoảng để cập nhật dự án chỉ là một sự đánh đổi nhỏ. Tóm lại, tôi rất hài lòng với vị trí hiện tại và những cơ hội mà nó mang lại, vì nó kết hợp hoàn hảo sở thích và kỹ năng của tôi.
→ Chọn đáp án A	

- Question 17:** **a.** However, despite this growth, Redmond still lacks a hospital, as the nearest one is located over 30 miles away in Longreach.
- b.** Once abundant parks on Oak Street and Richmond Avenue have been replaced by factories, marking a shift towards industrialisation.
- c.** The industrial shift has also attracted new businesses, from arcades to shops and factories, boosting the local economy and making Redmond more and more commercially active.
- d.** Redmond has transformed significantly over the past decade.
- e.** This industrial growth has led to a 25% population boom due to an influx of factory workers, resulting in increased traffic congestion.

(Adapted from i-Learn Smart World)

- A.** d-b-c-e-a **B.** d-c-a-b-e **C.** d-a-e-b-c **D.** d-e-b-c-a

DỊCH BÀI: Redmond has transformed significantly over the past decade. Once abundant parks fOak Street and Richmond Avenue have been replaced by factories, marking a shift towards industrialisation. The industrial shift has also attracted new businesses, from arcades to shops and factories, boosting the local economy and making Redmond more and more commercially active. This industrial growth has led to a 25% population boom due to an influx of factory workers, resulting in increased traffic congestion.However, despite this growth, Redmond still lacks a hospital, as the nearest one is located over 30 miles away in Longreach.	Redmond đã có sự chuyển mình đáng kể trong suốt thập kỷ qua. Những công viên từng tràn ngập tại phố Oak và đại lộ Richmond giờ đây đã nhường chỗ cho các nhà máy, đánh dấu một bước chuyển mình hướng tới công nghiệp hóa. Sự chuyển mình này đã thu hút nhiều doanh nghiệp mới, từ các trung tâm trò chơi đến cửa hàng và nhà máy, góp phần thúc đẩy nền kinh tế địa phương và khiến Redmond ngày càng sôi động về mặt thương mại. Tuy nhiên, sự phát triển công nghiệp này cũng dẫn đến sự bùng nổ dân số lên đến 25% do sự gia tăng số lượng công nhân nhà máy, dẫn đến tình trạng ùn tắc giao thông. Dù vậy, Redmond vẫn thiếu một bệnh viện, với bệnh viện gần nhất cách đó hơn 30 dặm ở Longreach.
→ Chọn đáp án A	

Read the following passage about humanoid robots and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Humanoid robots, eminent characters in science fiction novels and sci-fi films, are becoming a reality. Sophia, as an example, (18)_____. One month later, she had her premiere in Texas, USA, and has made multiple public appearances around the world since then. At one such event, Sophia was granted Saudi Arabian citizenship in October 2017 and even became the first Innovation Champion of the United Nations Development Programme later that year. During Sophia's trip to Vietnam in 2018, she addressed the Industry 4.0 Summit and Expo.

Sophia the Robot is the latest humanlike robot created by a Hong Kong-based company (19)_____. Undoubtedly, Sophia together with other humanlike robots represents the rapid advancement in the field of robotics and artificial intelligence. (20)_____.

Sophia's physical appearance is inspired by both the famous actress Audrey Hepburn and the creator's wife. (21)_____. But what makes her more lifelike than other robots is the patented artificial skin called Frubber®, which has the feel and flexibility of human skin.

Sophia amazes the world with her ability to communicate naturally. The Sophia Intelligence Collective, which is a combination of AI and human input, and other sophisticated perception techniques enable Sophia to recognise human faces and identify human emotions and gestures. Equipped with machine learning algorithms, (22)_____.

(Adapted from Friends Global)

DỊCH BÀI:

Humanoid robots, eminent characters in science fiction novels and sci-fi films, are becoming a reality. Sophia, as an example, was first activated on Valentine's Day in 2016. One month later, she had her premiere in Texas, USA, and has made multiple public appearances around the world since then. At one such event, Sophia was granted Saudi Arabian citizenship in October 2017 and even became the first Innovation Champion of the United Nations Development Programme later that year. During Sophia's trip to Vietnam in 2018, she addressed the Industry 4.0 Summit and Expo.

Sophia the Robot is the latest humanlike robot created by a Hong Kong-based company whose combined efforts in AI research, engineering, and design have given birth to robots. Undoubtedly, Sophia together with other humanlike robots represents the rapid advancement in the field of robotics and artificial intelligence. She has been designed to assist humans in healthcare, customer support, and education.

Robot hình người, những nhân vật nổi bật trong tiểu thuyết khoa học viễn tưởng và phim sci-fi, đang dần trở thành hiện thực. Ví dụ, Sophia, được kích hoạt lần đầu tiên vào ngày Valentine năm 2016. Một tháng sau, cô đã ra mắt tại Texas, Mỹ, và kể từ đó đã có nhiều lần xuất hiện công khai trên toàn thế giới. Tại một sự kiện như vậy, Sophia đã được cấp quyền công dân Ả Rập Saudi vào tháng 10 năm 2017 và thậm chí trở thành Nhà vô địch Đổi mới đầu tiên của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc vào cuối năm đó. Trong chuyến thăm Việt Nam vào năm 2018, cô đã phát biểu tại Hội nghị và Triển lãm Công nghiệp 4.0.

Sophia the Robot là robot hình người mới nhất được tạo ra bởi một công ty có trụ sở tại Hồng Kông, nơi mà sự kết hợp giữa nghiên cứu AI, kỹ thuật và thiết kế đã cho ra đời những con robot. Rõ ràng, Sophia cùng với những robot hình người khác đại diện cho sự tiến bộ nhanh chóng trong lĩnh vực robot và trí tuệ nhân tạo. Cô được thiết kế để hỗ trợ con người trong các lĩnh vực y tế, hỗ trợ khách hàng và giáo dục.

Sophia's physical appearance is inspired by both the famous actress Audrey Hepburn and the creator's wife. She has cameras for eyes and microphones for ears, allowing her to see and hear like a human. But what makes her more lifelike than other robots is the patented artificial skin called Frubber®, which has the feel and flexibility of human skin.

Sophia amazes the world with her ability to communicate naturally. The Sophia Intelligence Collective, which is a combination of AI and human input, and other sophisticated perception techniques enable Sophia to recognise human faces and identify human emotions and gestures. Equipped with machine learning algorithms, Sophia can understand human speech and interact with people.

Ngoại hình của Sophia được lấy cảm hứng từ nữ diễn viên nổi tiếng Audrey Hepburn và vợ của người sáng tạo. Cô có camera làm mắt và microphone làm tai, cho phép cô nhìn và nghe như một con người. Nhưng điều làm cho cô trở nên sống động hơn những robot khác là lớp da nhân tạo được cấp bằng sáng chế mang tên Frubber®, có cảm giác và độ linh hoạt giống như da người.

Sophia khiến thế giới kinh ngạc với khả năng giao tiếp tự nhiên. Tập hợp Trí tuệ Sophia, là sự kết hợp giữa AI và đầu vào từ con người, cùng với các kỹ thuật cảm nhận tinh vi khác, giúp Sophia nhận diện khuôn mặt con người và xác định cảm xúc cũng như cử chỉ của họ. Được trang bị các thuật toán học máy, Sophia có thể hiểu lời nói của con người và tương tác với mọi người.

Question 18. A. of which the activation was launched on Valentine's Day, 2016

B. was first activated on Valentine's Day in 2016

C. that had her first Valentine's activation launched in 2016

D. having been initially activated on Valentine's Day, 2016

Hướng dẫn giải

Câu bị động: Ta cần một động từ chính trong câu này, do vậy các đáp án A C và D không phù hợp. Câu mang nghĩa bị động ở thì QKĐ: was/were + V3/V-ed

Tạm dịch: Sophia, as an example, was first activated on Valentine's Day in 2016.

(Ví dụ, Sophia, được kích hoạt lần đầu tiên vào ngày Valentine năm 2016.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 19. A. whose combined efforts in AI research, engineering, and design have given birth to robots

B. succeeded in bringing robots to life by combining research in AI, engineering, and design

C. brought robots to life thanks to its accomplishments in AI research, engineering, and design

D. of which the joint efforts in AI research, engineering, and design in building robots

Hướng dẫn giải

Mệnh đề quan hệ:

Dùng đại từ quan hệ “whose” để chỉ sở hữu.

B sai vì câu đã có động từ chính là ‘is’, nếu dùng ‘succeeded’ thì câu sẽ thừa động từ, hoặc nếu coi nó là dạng rút gọn mệnh đề quan hệ bị động thì cũng không phù hợp.

C sai tương tự B.

D sai vì of which tương đương với ‘whose’, nhưng sau nó sẽ cần một Noun + verb. D thiếu động từ để tạo thành một mệnh đề quan hệ hoàn chỉnh.

Tạm dịch: Sophia the Robot is the latest humanlike robot created by a Hong Kong-based company whose combined efforts in AI research, engineering, and design have given birth to robots.

(Sophia the Robot là robot hình người mới nhất được tạo ra bởi một công ty có trụ sở tại Hồng Kông, nơi mà sự kết hợp giữa nghiên cứu AI, kỹ thuật và thiết kế đã cho ra đời những con robot.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 20.

- A. She has been designed to assist humans in healthcare, customer support, and education
- B. People in the fields of healthcare, customer service, and education helped create Sophia
- C. Intending to aid humans in healthcare, customer support, and education, Sophia was developed
- D. The assistance in customer support, education, and healthcare led to the creation of Sophia

Hướng dẫn giải

- A. Cô được thiết kế để hỗ trợ con người trong các lĩnh vực y tế, hỗ trợ khách hàng và giáo dục.
- B. Những người trong lĩnh vực chăm sóc y tế, dịch vụ khách hàng, và giáo dục đã giúp tạo ra Sophia. => Không phù hợp về nghĩa so với câu trước đó.
- C. Sai vì đây là dangh rút gọn 2 mệnh đề có cùng chủ ngữ. Khi đó Sophia làm chủ ngữ chung của 2 mệnh đề. Ta xét nghĩa ‘Sophia có ý định hỗ trợ ..., Sophia được phát triển’ => Không logic.
- D. Sự hỗ trợ trong hỗ trợ khách hàng, giáo dục, và chăm sóc y tế đã dẫn đến sự ra đời của Sophia. => Không phù hợp về nghĩa so với câu trước đó.

Tạm dịch:

Undoubtedly, Sophia together with other humanlike robots represents the rapid advancement in the field of robotics and artificial intelligence. She has been designed to assist humans in healthcare, customer support, and education. (Rõ ràng, Sophia cùng với những robot hình người khác đại diện cho sự tiến bộ nhanh chóng trong lĩnh vực robot và trí tuệ nhân tạo. Cô được thiết kế để hỗ trợ con người trong các lĩnh vực y tế, hỗ trợ khách hàng và giáo dục.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 21.

- A. Without cameras and microphones working as her eyes and ears, she could hear and see like humans
- B. Her eyes and ears work as cameras and microphones so that people can see and hear her
- C. She has cameras for eyes and microphones for ears, allowing her to see and hear like a human
- D. Using cameras and microphones for eyes and ears, they allow her to see and hear as humans do

Hướng dẫn giải

- A. Nếu không có camera và microphone làm mắt và tai, thì cô ấy có thể nghe và nhìn như con người.
→ Không hợp lý về nghĩa
- B. Mắt và tai của cô ấy đóng vai trò camera và microphone để mọi người có thể nhìn và nghe cô ấy.
→ Không hợp lý vì Sophia có thể nhìn và nghe được mọi người chứ không phải điều ngược lại
- C. Cô có camera làm mắt và microphone làm tai, cho phép cô nhìn và nghe như một con người.
→ Đúng, sử dụng hiện tại phân từ để rút gọn mệnh đề quan hệ
- D. Sử dụng camera và microphone cho mắt và tai, chúng cho phép cô nghe và nhìn như con người.
→ Sai vì đây là dạng rút gọn 2 mệnh đề có cùng chủ ngữ. Khi đó chủ ngữ chung là they (chúng/họ). Ta xét nghĩa “Chúng/Họ sử dụng camera và microphone cho mắt và tai, chúng/họ cho phép cô nghe và nhìn như con người.” → Không logic.

Tạm dịch: She has cameras for eyes and microphones for ears, allowing her to see and hear like a human. (Cô có camera làm mắt và microphone làm tai, cho phép cô nhìn và nghe như một con người.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 22.

- A. Sophia can understand human speech and interact with people
- B. human speech and interaction are becoming so easy to Sophia
- C. the machine can help Sophia speak and interact with humans
- D. interaction in speech between Sophia and humans takes place

Hướng dẫn giải

- A. Sophia có thể hiểu lời nói của con người và tương tác với mọi người
- B. lời nói của con người và các tương tác là dễ dàng đối với Sophia
- C. máy móc có thể giúp Sophia nói và tương tác với mọi người
- D. tương tác trong lời nói giữa Sophia và con người diễn ra

Ta thấy đây là dạng rút gọn 2 mệnh đề có cùng chủ ngữ, sử dụng quá khứ phân từ 'equipped' dạng bị động. Xét các đáp án, ta thấy chỉ có A là phù hợp vì câu phía trước đang nói về việc AI giúp Sophia có thể nhận ra được khuôn mặt con người và xác định được cảm xúc cũng như cử chỉ của con người.

Tạm dịch: Equipped with machine learning algorithms, Sophia can understand human speech and interact with people.

(Được trang bị các thuật toán học máy, Sophia có thể hiểu lời nói của con người và tương tác với mọi người.)

→ **Chọn đáp án A**

Read the following passage about endangered languages and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following Questions from 23 to 30.

There are around 7,000 languages in the world today. However, most people speak the largest languages: Chinese, Spanish, English, Hindi, Russian, Arabic, and others. So what about the smaller languages? According to the UNESCO Atlas of the World's Languages in Danger, around one-third of the world's languages now have fewer than 1,000 speakers. We may soon lose those languages completely. In fact, 230 languages became **extinct** between 1950 and 2010.

Unfortunately, when we lose a language, we also lose its culture and knowledge. That's because people in different places have different ways of living and thinking. One example of this is the Tuvan language of southern Siberia. Tuvan people depend on animals for food and other basic needs. **Their** language shows this close connection between people and animals. The Tuvan word *ezenggileer*, for example, means "to sing with the rhythms of riding a horse." And the word *ak byzaa* is "a white calf less than one year old."

In some places, people are working to save traditional languages. Many schools in New Zealand now teach the Maori language. This helps connect native New Zealanders to their Maori culture. And Welsh is spoken by around 500,000 people in Wales. The Welsh government is working to increase that number to one million by 2050.

Technology offers a possible alternative to saving endangered languages. National Geographic's Enduring Voices project has created "Talking Dictionaries" the recorded voices of people communicating with each other. All of them are fluent speakers of endangered languages. And because these dictionaries are **accessible** to anyone on the Internet, people now and in the future can learn some of the vocabulary, greetings, and grammar rules of past languages.

(Adapted from Explore New Worlds)

There are around 7,000 languages in the world today. However, most people speak the largest languages: Chinese, Spanish, English, Hindi, Russian, Arabic, and others. So what about the smaller languages? According to the UNESCO Atlas of the World's Languages in Danger, around one-third of the world's languages now have fewer	Hiện nay, có khoảng 7.000 ngôn ngữ trên thế giới. Tuy nhiên, hầu hết mọi người đều nói những ngôn ngữ phổ biến nhất: tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh, tiếng Hindi, tiếng Nga, tiếng Ả Rập và các ngôn ngữ khác. Vậy còn những ngôn ngữ ít phổ biến hơn thì sao? Theo UNESCO Atlas về các ngôn ngữ trên thế giới đang bị đe dọa, hiện có khoảng một phần ba số ngôn ngữ trên thế giới có ít hơn 1.000 người nói. Chúng
---	---

than 1,000 speakers. We may soon lose those languages completely. In fact, 230 languages became extinct between 1950 and 2010.

Unfortunately, when we lose a language, we also lose its culture and knowledge. That's because people in different places have different ways of living and thinking. One example of this is the Tuvan language of southern Siberia. Tuvan people depend on animals for food and other basic needs. Their language shows this close connection between people and animals. The Tuvan word ezenggileer, for example, means "to sing with the rhythms of riding a horse." And the word ak byzaa is "a white calf less than one year old."

In some places, people are working to save traditional languages. Many schools in New Zealand now teach the Maori language. This helps connect native New Zealanders to their Maori culture. And Welsh is spoken by around 500,000 people in Wales. The Welsh government is working to increase that number to one million by 2050.

Technology offers a possible alternative to saving endangered languages. National Geographic's Enduring Voices project has created "Talking Dictionaries" - the recorded voices of people communicating with each other. All of them are fluent speakers of endangered languages. And because these dictionaries are accessible to anyone on the Internet, people now and in the future can learn some of the vocabulary, greetings, and grammar rules of past languages.

ta có thể sớm mất hoàn toàn những ngôn ngữ đó. Trên thực tế, 230 ngôn ngữ đã tuyệt chủng trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 2010.

Thật không may, khi chúng ta mất đi một ngôn ngữ, chúng ta cũng mất đi nền văn hóa và kiến thức của ngôn ngữ đó. Đó là vì mọi người ở những nơi khác nhau có cách sống và suy nghĩ khác nhau. Một ví dụ về điều này là tiếng Tuvan ở miền nam Siberia. Người Tuvan phụ thuộc vào động vật để kiếm thức ăn và các nhu cầu cơ bản khác. Ngôn ngữ của họ cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa con người và động vật. Ví dụ, từ ezenggileer trong tiếng Tuvan có nghĩa là "hát theo nhịp điệu cưỡi ngựa". Và từ ak byzaa có nghĩa là "bê trắng dưới một tuổi".

Ở một số nơi, mọi người đang nỗ lực để bảo tồn các ngôn ngữ truyền thống. Nhiều trường học ở New Zealand hiện đang dạy tiếng Maori. Điều này giúp kết nối người New Zealand bản địa với nền văn hóa Maori của họ. Tiếng Wales được khoảng 500.000 người ở Wales nói. Chính phủ xứ Wales đang nỗ lực tăng con số đó lên một triệu người vào năm 2050.

Công nghệ cung cấp một giải pháp thay thế khả thi để bảo tồn các ngôn ngữ đang bị đe dọa. Dự án Enduring Voices của National Geographic đã tạo ra "Talking Dictionaries" - giọng nói được ghi âm của những người giao tiếp với nhau. Tất cả họ đều là những người nói lưu loát các ngôn ngữ đang bị đe dọa. Và vì những từ điển này có thể truy cập được với bất kỳ ai trên Internet, nên mọi người hiện tại và trong tương lai có thể học một số từ vựng, lời chào và quy tắc ngữ pháp của các ngôn ngữ trong quá khứ.

Question 23. Which of the following is NOT mentioned as one of the largest languages?

- A. Arabic B. Hindi C. Spanish D. Maori

Hướng dẫn giải

Ngôn ngữ nào sau đây KHÔNG được nhắc đến là một trong những ngôn ngữ lớn nhất?

- A. Tiếng Ả Rập B. Tiếng Hindi C. Tiếng Tây Ban Nha D. Tiếng Maori

Thông tin: However, most people speak the largest languages: Chinese, **Spanish**, English, **Hindi**, Russian, **Arabic**, and others.

(Tuy nhiên, hầu hết mọi người đều nói được những ngôn ngữ phổ biến nhất: tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh, tiếng Hindi, tiếng Nga, tiếng Ả Rập và các ngôn ngữ khác.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 24. The word **extinct** in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to_____.

- A. existent B. native C. official D. ancient

Hướng dẫn giải

Từ "extinct" trong đoạn 1 trái nghĩa với _____.

- A. hiện hữu B. bản địa C. chính thức D. cổ xưa

extinct (adj): tuyệt chủng = existent

→ **Chọn đáp án A**

Question 25. The word **Their** in paragraph 2 refers to_____.

- A. basic needs B. Tuvan people C. different ways D. different places

Hướng dẫn giải

Từ Their trong đoạn 2 ám chỉ _____.

- A. nhu cầu cơ bản B. Người Tuvan
C. những cách khác nhau D. những nơi khác nhau

Thông tin: **Tuvan people** depend on animals for food and other basic needs. **Their** language shows this close connection between people and animals.

(Người Tuvan phụ thuộc vào động vật để lấy thức ăn và các nhu cầu cơ bản khác. Ngôn ngữ của họ cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa con người và động vật.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 26. The word **accessible** in paragraph 4 could be best replaced by_____.

- A. available B. dependable C. visible D. audible

Hướng dẫn giải

Từ **accessible** được trong đoạn 4 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. có sẵn B. đáng tin cậy C. có thể nhìn thấy D. có thể nghe được

Thông tin: accessible (adj): có thể tiếp cận = available

→ **Chọn đáp án A**

Question 27. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. Endangered languages could only be saved by technology.
B. There is no other way to save endangered languages but technology.
C. Technology could be another way to save endangered languages.
D. Technology should be regarded as the last resort to save endangered languages.

Hướng dẫn giải

Câu nào sau đây diễn giải lại câu gạch chân trong đoạn 4 một cách đúng nhất?

- A. Các ngôn ngữ đang bị đe dọa chỉ có thể được cứu bằng công nghệ.
- B. Không có cách nào khác để cứu các ngôn ngữ đang bị đe dọa ngoài công nghệ.
- C. Công nghệ có thể là một cách khác để cứu các ngôn ngữ đang bị đe dọa.
- D. Công nghệ nên được coi là giải pháp cuối cùng để cứu các ngôn ngữ đang bị đe dọa.

Thông tin: Technology offers a **possible alternative** to saving endangered languages.
(Công nghệ cung cấp một giải pháp thay thế khả thi để cứu các ngôn ngữ đang bị đe dọa)

→ **Chọn đáp án C**

Question 28. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. The number of Welsh speakers will increase by one million by 2050.
- B. Only by creating "Talking Dictionaries" can endangered languages be saved.
- C. Less than 200 languages were no longer in existence between 1950 and 2010.
- D. The Welsh government is trying to double the number of Welsh speakers by 2050.

Hướng dẫn giải

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là **ĐÚNG**?

- A. Số lượng người nói tiếng Wales sẽ tăng thêm một triệu vào năm 2050.
- B. Chỉ bằng cách tạo ra "Từ điển nói" thì các ngôn ngữ có nguy cơ tuyệt chủng mới có thể được cứu.
- C. Có ít hơn 200 ngôn ngữ không còn tồn tại trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 2010.
- D. Chính phủ xứ Wales đang cố gắng tăng gấp đôi số lượng người nói tiếng Wales vào năm 2050.

Thông tin:

+ The Welsh government is working to **increase that number to one million** by 2050. (Chính quyền xứ Wales đang nỗ lực tăng con số này lên một triệu vào năm 2050.)

→ **A sai** vì trong bài nói là tăng lên 'increase to', nhưng A lại nói là tăng thêm (increase by)

+ National Geographic's Enduring Voices project has created "Talking Dictionaries" - the recorded voices of people communicating with each other. (Dự án Enduring Voices của National Geographic đã tạo ra "Từ điển nói" - ghi âm giọng nói của mọi người khi giao tiếp với nhau.)

→ **B sai** vì không có thông tin nào cho thấy chỉ có 'Từ điển nói' mới có thể cứu ngôn ngữ khỏi tuyệt chủng.

+ In fact, **230 languages** became extinct between 1950 and 2010. (Trên thực tế, có 230 ngôn ngữ đã tuyệt chủng trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 2010.) → **C sai**

+ And Welsh is spoken by around **500,000 people** in Wales. The Welsh government is working to increase that number to **one million** by 2050. (Tiếng Wales được khoảng 500.000 người ở xứ Wales nói. Chính quyền xứ Wales đang nỗ lực tăng con số đó lên một triệu vào năm 2050.) → **D đúng**

→ **Chọn đáp án D**

Question 29. In which paragraph does the writer mention a present causal relationship?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Hướng dẫn giải

Trong đoạn văn nào tác giả đề cập đến mối quan hệ nhân quả hiện tại?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin: Unfortunately, when we **lose a language**, we also **lose its culture and knowledge**.

(Thật không may, khi chúng ta mất đi một ngôn ngữ, chúng ta cũng mất đi nền văn hóa và kiến thức của ngôn ngữ đó.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 30. In which paragraph does the writer explore modern methods for maintaining endangered languages?

- A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 3 D. Paragraph 4

Hướng dẫn giải

Trong đoạn văn nào tác giả khám phá các phương pháp hiện đại để duy trì các ngôn ngữ đang bị đe dọa?

- A. Đoạn 1 B. Đoạn 2 C. Đoạn 3 D. Đoạn 4

Thông tin:

Technology offers a possible alternative to saving endangered languages. National Geographic's Enduring Voices project has created "Talking Dictionaries" - the recorded voices of people communicating with each other. All of them are fluent speakers of endangered languages. And because these dictionaries are accessible to anyone on the Internet, people now and in the future can learn some of the vocabulary, greetings, and grammar rules of past languages.

(Công nghệ cung cấp một giải pháp thay thế khả thi để cứu các ngôn ngữ đang bị đe dọa. Dự án Enduring Voices của National Geographic đã tạo ra "Talking Dictionaries" - giọng nói được ghi âm của những người giao tiếp với nhau. Tất cả họ đều là những người nói lưu loát các ngôn ngữ đang bị đe dọa. Và vì những từ điển này có thể truy cập được bởi bất kỳ ai trên Internet, nên mọi người hiện tại và trong tương lai có thể học một số từ vựng, lời chào và quy tắc ngữ pháp của các ngôn ngữ trong quá khứ.)

→ **Chọn đáp án D**

Read the following passage about the urban shift and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following Questions from 31 to 40.

[I] Global urbanisation has increased significantly in recent decades, and one of the main drivers of this growth has been rural migration. [II] Half of the world's population already resides in cities, and by 2050, experts predict that number to reach as high as two-thirds. [III] Many factors contribute to this global phenomenon, which then gives rise to various issues. [IV]

There are many push factors which force people away from rural life. For example, rural residents have fewer employment options because there are not many large companies nearby. What's more, rural jobs are mainly related to agriculture, so crop failures due to natural disasters can make it difficult to earn a good living. By contrast, there are pull

factors that attract people to urban life. Urban areas have more industries, so people can easily get good jobs and achieve a higher standard of living. They also offer entertainment alternatives, such as theme parks, sporting and musical events, allowing urban citizens to access leisure activities easily.

In the process of urbanisation, rural migration causes various far-reaching impacts on the environment and urban citizens. First, deforestation occurs when city governments have forests cut down to build accommodation for new residents, which harms the environment and reduces air quality. As growing populations bring about more deforestation and pollution, the air quality worsens, which can lead to health issues for residents. Second, due to population expansion, cities are struggling to offer adequate public facilities for urban people. As a result, some low-income people are unable to obtain the necessary affordable housing and end up living in slums, where the quality of life is very poor.

Rural migration is a complicated process, of which the causes and the effects should be fully comprehended. By carefully planning city development and suitable social policies, we can provide urban citizens with good public services, exciting job opportunities and a high quality of life without harming the environment.

(Adapted from Bright)

DỊCH BÀI ĐỌC

[I] Global urbanisation has increased significantly in recent decades, and one of the main drivers of this growth has been rural migration. **[II]** Half of the world's population already resides in cities, and by 2050, experts predict that number to reach as high as two-thirds. **[III]** Many factors contribute to this global phenomenon, which then gives rise to various issues. **[IV]**

There are many push factors which force people away from rural life. For example, rural residents have fewer employment options because there are not many large companies nearby. What's more, rural jobs are mainly related to agriculture, so crop failures due to natural disasters can make it difficult to earn a good living. By contrast, there are pull factors that attract people to urban life. Urban areas have more industries, so people can easily get good jobs and achieve a higher standard of living. They also offer entertainment alternatives, such as theme parks, sporting and musical events, allowing urban citizens to access leisure activities easily.

In the process of urbanisation, rural migration causes various far-reaching impacts on the environment and urban citizens. First, deforestation occurs when city governments have forests cut down to build accommodation for new residents, which harms the environment and reduces air quality. As growing populations bring about more deforestation and pollution, the air quality worsens, which can lead to health issues for residents. Second, due to population expansion, cities are struggling to offer adequate public facilities for urban people. As a result, some low-income people are unable to obtain the necessary affordable housing and end up living in slums, where the quality of life is very poor.

Rural migration is a complicated process, of which the causes and the effects should be fully comprehended. By carefully planning city development and suitable social policies, we can

[I] Quá trình đô thị hóa toàn cầu đã tăng đáng kể trong những thập kỷ gần đây và một trong những động lực chính của sự tăng trưởng này là di cư nông thôn. **[II]** Một nửa dân số thế giới hiện đang sinh sống tại các thành phố và đến năm 2050, các chuyên gia dự đoán con số đó sẽ lên tới hai phần ba. **[III]** Nhiều yếu tố góp phần vào hiện tượng toàn cầu này, sau đó làm phát sinh nhiều vấn đề khác nhau. **[IV]**

Có nhiều yếu tố thúc đẩy khiến mọi người rời xa cuộc sống nông thôn. Ví dụ, cư dân nông thôn có ít lựa chọn việc làm hơn vì không có nhiều công ty lớn gần đó. Hơn nữa, công việc ở nông thôn chủ yếu liên quan đến nông nghiệp, do đó mất mùa do thiên tai có thể khiến họ khó kiếm được thu nhập tốt. Ngược lại, có những yếu tố lôi kéo thu hút mọi người đến với cuộc sống đô thị. Các khu vực đô thị có nhiều ngành công nghiệp hơn, do đó mọi người có thể dễ dàng tìm được việc làm tốt và đạt được mức sống cao hơn. Các khu vực này cũng cung cấp các lựa chọn giải trí thay thế, chẳng hạn như công viên giải trí, sự kiện thể thao và âm nhạc, cho phép người dân thành thị dễ dàng tiếp cận các hoạt động giải trí.

Trong quá trình đô thị hóa, di cư nông thôn gây ra nhiều tác động sâu rộng đến môi trường và người dân thành thị. Đầu tiên, nạn phá rừng xảy ra khi chính quyền thành phố chặt phá rừng để xây dựng nhà ở cho cư dân mới, gây hại cho môi trường và làm giảm chất lượng không khí. Khi dân số tăng, nạn phá rừng và ô nhiễm gia tăng, chất lượng không khí trở nên tồi tệ hơn, có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe cho cư dân. Thứ hai, do dân số tăng, các thành phố đang phải vật lộn để cung cấp các tiện ích công cộng đầy đủ cho người dân thành thị. Kết quả là, một số người thu nhập thấp không thể có được nhà ở giá rẻ cần thiết và cuối cùng phải sống trong các khu ổ chuột, nơi chất lượng cuộc sống rất kém.

Di cư nông thôn là một quá trình phức tạp, trong đó nguyên nhân và tác động của nó cần được hiểu đầy đủ. Bằng cách lập kế hoạch phát triển thành phố một cách cẩn thận và các chính sách xã hội phù hợp,

provide urban citizens with good public services, exciting job opportunities and a high quality of life without harming the environment.

chúng ta có thể cung cấp cho người dân thành thị các dịch vụ công tốt, cơ hội việc làm thú vị và chất lượng cuộc sống cao mà không gây hại cho môi trường.

Question 31. Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?

More and more people are moving to the city from the countryside each year.

- A. [1] B. [II] C. [III] D. [IV]

Hướng dẫn giải

Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong đoạn 1? “Mỗi năm, ngày càng có nhiều người chuyển từ nông thôn đến thành phố.”

- A. [I] B. [II] C. [III] D. [IV]

Thông tin:

[I] Global urbanisation has increased significantly in recent decades, and one of the main drivers of this growth has been **rural migration**. [II] **Half of the world's population already resides in cities**, and by 2050, experts predict that number to reach as high as two-thirds. ([I] Quá trình đô thị hóa toàn cầu đã tăng đáng kể trong những thập kỷ gần đây và một trong những động lực chính của sự tăng trưởng này là di cư nông thôn. [II] Một nửa dân số thế giới hiện đang sinh sống tại các thành phố và đến năm 2050, các chuyên gia dự đoán con số đó sẽ lên tới hai phần ba.)

Ta thấy câu đầu tiên của đoạn nói về tình trạng ‘rural migration’, nên chỗ điền phù hợp nhất của câu đã cho là [II].

→ **Chọn đáp án B**

Question 32. The phrase **gives rise to** in paragraph 1 could be best replaced by_____.

- A. originates from B. results in C. brings up D. carries out

Hướng dẫn giải

Cụm từ **give rise to** trong đoạn 1 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. bắt nguồn từ B. dẫn đến C. nuôi nấng, đề cập D. thực hiện

Thông tin: give rise to (phrV): dẫn tới = result in in

→ **Chọn đáp án B**

Question 33. The word **They** in paragraph 2 refers to_____.

- A. industries B. good jobs C. urban areas D. people

Hướng dẫn giải

Từ **They** trong đoạn 2 ám chỉ _____

- A. các ngành công nghiệp B. công việc tốt
 C. khu vực thành thị D. người dân

Thông tin:

Urban areas have more industries, so people can easily get good jobs and achieve a higher standard of living. **They** also offer entertainment alternatives, such as theme parks, sporting and musical events, allowing urban citizens to access leisure activities easily.

(Khu vực thành thị có nhiều ngành công nghiệp hơn, do đó mọi người có thể dễ dàng có được công việc tốt và đạt được mức sống cao hơn. Các khu vực này cũng cung cấp các giải pháp thay thế giải trí, chẳng hạn như công viên chủ đề, sự kiện thể thao và âm nhạc, cho phép cư dân thành thị dễ dàng tiếp cận các hoạt động giải trí.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 34. According to paragraph 2, which of the following is NOT a push factor?

- A. fewer job opportunities B. a higher living standard C. crop failures D. a low income

Hướng dẫn giải

Theo đoạn 2, yếu tố nào sau đây KHÔNG phải là yếu tố thúc đẩy?

- A. ít cơ hội việc làm hơn B. mức sống cao hơn
C. mất mùa D. thu nhập thấp

Thông tin: There are many push factors which force people away from rural life. For example, rural residents have **fewer employment options** because there are not many large companies nearby. What's more, rural jobs are mainly related to agriculture, so **crop failures** due to natural disasters can **make it difficult to earn a good living**.

(Có nhiều yếu tố thúc đẩy khiến mọi người rời xa cuộc sống nông thôn. Ví dụ, cư dân nông thôn có ít lựa chọn việc làm hơn vì không có nhiều công ty lớn gần đó. Hơn nữa, công việc ở nông thôn chủ yếu liên quan đến nông nghiệp, vì vậy mất mùa do thiên tai có thể khiến họ khó kiếm được thu nhập tốt.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 35. Which of the following best summarises paragraph 3?

- A. Urbanisation improves the living standards of all urbanites to the detriment of the environment.
B. Urban citizens suffer serious health problems and housing shortages as a result of migration to the city.
C. Rural migration is detrimental to not only the environment but also urbanites' health and life quality.
D. Low-income urban citizens lack access to public amenities, leading to their poor standards of living.

Hướng dẫn giải

Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3?

- A. Đô thị hóa cải thiện mức sống của tất cả người dân thành thị nhưng lại gây hại cho môi trường.
B. Người dân thành thị phải chịu đựng các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng và tình trạng thiếu nhà ở do di cư đến thành phố.
C. Di cư nông thôn không chỉ gây hại cho môi trường mà còn cho sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân thành thị.
D. Người dân thành thị có thu nhập thấp không được tiếp cận các tiện ích công cộng, dẫn đến mức sống thấp.

Thông tin: Đoạn văn thứ 3 đề cập tới ảnh hưởng tiêu cực từ hiện tượng di cư từ nông thôn tới thành phố khi nó không chỉ gây hại cho môi trường mà còn khiến ô nhiễm, gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân. Ngoài ra, nó còn khiến cho những người có thu nhập thấp vật lộn tìm nhà giá rẻ, khiến họ phải sống trong các khu ổ chuột.

→ **Chọn đáp án C**

Question 36. The word **far-reaching** in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to_____.

- A. expanded B. limited C. negative D. severe

Hướng dẫn giải

Từ **far-reaching** trong đoạn 3 có nghĩa trái nghĩa với _____.

- A. mở rộng B. hạn chế C. tiêu cực D. nghiêm trọng

Thông tin: far-reaching (adj): sâu rộng >> limited → **Chọn đáp án B**

Question 37. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Both push factors and pull factors contribute to the increase in rural migration on a global scale.
B. Rural migration is the most important driving force behind the phenomenon of urbanisation worldwide.
C. Adequate public facilities are getting easily accessible to city residents thanks to governments effort.
D. City residents' health issues are caused by poor living conditions in the slums, not reduced air quality.

Hướng dẫn giải

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Cả yếu tố đẩy và yếu tố lôi kéo đều góp phần làm tăng di cư nông thôn trên quy mô toàn cầu.
- B. Di cư nông thôn là động lực quan trọng nhất thúc đẩy hiện tượng đô thị hóa trên toàn thế giới.
- C. Nhờ nỗ lực của chính phủ, cư dân thành phố có thể dễ dàng tiếp cận các cơ sở công cộng đầy đủ.
- D. Các vấn đề về sức khỏe của cư dân thành phố là do điều kiện sống kém ở khu ổ chuột, chứ không phải do chất lượng không khí giảm.

Thông tin:

+ Global urbanisation has increased significantly in recent decades, and **one of the main drivers of this growth has been rural migration**. (Quá trình đô thị hóa toàn cầu đã tăng đáng kể trong những thập kỷ gần đây và một trong những động lực chính của sự tăng trưởng này là di cư nông thôn.

→ **B sai** vì chỉ là một trong những yếu tố chính, không phải động lực quan trọng nhất

+ Second, due to population expansion, cities are **struggling to offer adequate public facilities for urban people**. (Thứ hai, do dân số tăng, các thành phố đang phải vật lộn để cung cấp đủ tiện ích công cộng cho người dân thành thị.) → **C sai**

+ First, deforestation occurs when city governments have forests cut down to build accommodation for new residents, which harms the environment and reduces air quality. As growing populations bring about more deforestation and pollution, **the air quality worsens, which can lead to health issues for residents**. (Đầu tiên, nạn phá rừng xảy ra khi chính quyền thành phố chặt phá rừng để xây dựng nhà ở cho cư dân mới, gây hại cho môi trường và làm giảm chất lượng không khí. Khi dân số tăng, nạn phá rừng và ô nhiễm gia tăng, chất lượng không khí xấu đi, có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe cho cư dân.) → **D sai**

+ There are many push factors which force people away from rural life. [...] By contrast, there are pull factors that attract people to urban life. (Có nhiều yếu tố thúc đẩy khiến mọi người rời xa cuộc sống nông thôn. [...] Ngược lại, có những yếu tố kéo thu hút mọi người đến với cuộc sống thành thị.) → **A đúng**

→ **Chọn đáp án A**

Question 38. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. Despite the complexity of rural migration, a complete understanding of its causes and effects could be achieved
- B. Were the process of rural migration more straightforward, a thorough understanding of its causes and effects could be gained
- C. Not until a full comprehension of the causes and effects of rural migration is achieved does it become a straightforward process.
- D. It is crucial to gain a comprehensive understanding of the causes and effects of such a complicated phenomenon as rural migration.

Hướng dẫn giải

Câu nào sau đây diễn giải lại câu gạch chân trong đoạn 4 một cách tốt nhất?

- A. Mặc dù di cư nông thôn rất phức tạp, nhưng vẫn có thể hiểu đầy đủ về nguyên nhân và tác động của nó.
- B. Nếu quá trình di cư nông thôn đơn giản hơn, chúng ta có thể hiểu thấu đáo về nguyên nhân và tác động của nó.
- C. Phải đến khi hiểu đầy đủ về nguyên nhân và tác động của di cư nông thôn thì quá trình này mới trở nên đơn giản.
- D. Điều quan trọng là phải hiểu toàn diện về nguyên nhân và tác động của một hiện tượng phức tạp như di cư nông thôn.

Thông tin: Rural migration is a complicated process, of which the causes and the effects should be fully comprehended.

(Di cư nông thôn là một quá trình phức tạp, trong đó nguyên nhân và tác động cần được hiểu đầy đủ)

→ **Chọn đáp án D**

Question 39. Which of the following can be inferred from the passage?

- A. The push factors play a more significant role than the pull factors in encouraging rural migration.
- B. Rural migration has more profound impacts on the environment than on city dwellers' well-being.
- C. Without proper planning, urban expansion may come at the expense of the environment and city dwellers' well-being.
- D. By 2050, about 70% of urban population is predicted to be living in slums due to their inability to afford proper housing.

Hướng dẫn giải

Có thể suy ra điều nào sau đây từ đoạn văn?

- A. Các yếu tố thúc đẩy đóng vai trò quan trọng hơn các yếu tố lôi kéo trong việc khuyến khích di cư nông thôn.
- B. Di cư nông thôn có tác động sâu sắc hơn đến môi trường so với phúc lợi của cư dân thành thị.
- C. Nếu không có quy hoạch phù hợp, việc mở rộng đô thị có thể gây tổn hại đến môi trường và phúc lợi của cư dân thành thị.
- D. Đến năm 2050, dự kiến khoảng 70% dân số thành thị sẽ sống trong các khu ổ chuột do không đủ khả năng chi trả cho nhà ở phù hợp.

Thông tin: By carefully planning city development and suitable social policies, we can provide urban citizens with good public services, exciting job opportunities and a high quality of life without harming the environment.

(Bằng cách lập kế hoạch phát triển thành phố một cách cẩn thận và có chính sách xã hội phù hợp, chúng ta có thể cung cấp cho người dân thành thị các dịch vụ công tốt, cơ hội việc làm hấp dẫn và chất lượng cuộc sống cao mà không gây hại cho môi trường.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 40. Which of the following best summarises the passage?

- A. Driven by limited rural prospects and the appeal of urban opportunities, rural migration fuels rapid urbanisation, impacting the environment and urban resources, thus requiring careful planning for sustainable development.
- B. Lack of rural opportunities and the attraction of city life cause increased rural migration, significantly expanding urban populations and creating insoluble social and environmental issues.
- C. Global urbanisation accelerates as people relocate from rural areas to cities seeking improved employment and living standards, but this migration leads to pressing issues like deforestation and inadequate public services.
- D. Limited opportunities in rural areas and the promise of better employment and recreation draw people to cities, but rapid urban growth damages the environment, highlighting the need for careful planning.

Hướng dẫn giải

Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn văn này?

- A.** Do triển vọng nông thôn hạn chế và sức hấp dẫn của các cơ hội đô thị, di cư nông thôn thúc đẩy quá trình đô thị hóa nhanh chóng, tác động đến môi trường và tài nguyên đô thị, do đó đòi hỏi phải lập kế hoạch cẩn thận cho phát triển bền vững.
- B.** Việc thiếu các cơ hội ở nông thôn và sức hấp dẫn của cuộc sống thành thị khiến di cư nông thôn tăng lên, làm gia tăng đáng kể dân số đô thị và tạo ra các vấn đề xã hội và môi trường không thể giải quyết được.
- C.** Quá trình đô thị hóa toàn cầu diễn ra nhanh chóng khi mọi người di chuyển từ các vùng nông thôn đến các thành phố để tìm kiếm việc làm và mức sống được cải thiện, nhưng quá trình di cư này dẫn đến các vấn đề cấp bách như nạn phá rừng và các dịch vụ công không đầy đủ.
- D.** Các cơ hội hạn chế ở các vùng nông thôn và lời hứa về việc làm và giải trí tốt hơn thu hút mọi người đến các thành phố, nhưng sự phát triển đô thị nhanh chóng lại gây hại cho môi trường, làm nổi bật nhu cầu lập kế hoạch cẩn thận.

Thông tin:

Phương án A là đáp án đúng nhất vì nó phản ánh toàn bộ nội dung của bài về hiện tượng dân di cư từ nông thôn lên thành thị vì một số lý do nhất định, dẫn tới các vấn đề như gây hại cho môi trường và ảnh hưởng tới tài liệu đô thị. Điều này đòi hỏi phải lập kế hoạch cẩn thận cho phát triển bền vững

B sai ở ‘insoluble’ (không thể giải quyết được) vì các vấn đề này có thể giải quyết được.

C sai vì chưa phản ánh được toàn bộ cả bài khi chưa nêu ra tính cấp bách về việc giải quyết các vấn đề do hiện tượng di dân từ nông thôn lên thành phố gây ra.

D sai vì chưa đủ ý về ảnh hưởng của hiện tượng di dân từ nông thôn lên thành phố (chỉ mới đề cập tới ảnh hưởng về môi trường)

→ **Chọn đáp án A**

TÀI LIỆU - KHÓA HỌC



Tài Liệu Khóa Học

Unimap

Admin: Vũ Đức Trọng



NẾU EM ĐANG...

- ? Tìm kiếm **khóa học online luyện thi THPT QG chất lượng**, được giảng dạy bởi các **thầy cô nổi tiếng, dày dặn kinh nghiệm**?
- ? Giữa vô vàn các **khóa học online ngập tràn** trên mạng, em không biết học **thầy cô nào, khóa học nào phù hợp** với mình?
- ? Em muốn đăng ký **khóa học Reup chất lượng** nhưng với mức **chi phí vừa phải** và vẫn đảm bảo **cập nhật y hệt khóa học gốc**?
- ? Đâu mới là **đơn vị cập nhật khóa học uy tín** để có thể **tin tưởng và an tâm theo học đến khi thi**?



GIẢI PHÁP ĐẾN TỪ

Tài Liệu Khóa Học UniMap



**ĐƯỢC HỌC TẤT CẢ
KHÓA HỌC THEO ĐÚNG
LỘ TRÌNH CỦA THẦY CÔ,
ĐẦY ĐỦ TỪ KHÓA XUẤT
PHÁT SỚM – CHUYÊN ĐỀ
– LUYỆN ĐỀ – TỔNG ÔN
– VỀ ĐÍCH – THỰC CHIẾN
PHÒNG THI.**



**TẤT CẢ CÁC KHÓA HỌC
ĐỀU ĐƯỢC CẬP NHẬT
ĐẦY ĐỦ BÀI GIẢNG +
FILE TÀI LIỆU + FILE
SÁCH CHẤT LƯỢNG Y
HỆT KHÓA HỌC GỐC.**



**HỌC THOẢI MÁI KHÔNG
GIỚI HẠN (VIDEO CHẤT
LƯỢNG CAO TRÊN
YOUTUBE, FILE TÀI LIỆU
TRÊN DRIVE).**



**GIAO DIỆN BÀI HỌC SẮP
XẾP GỌN GÀNG, DỄ
HIỂU, DỄ HỌC TRÊN
GOOGLE SHEETS LẦN
LƯỢT THEO ĐÚNG THỨ
TỰ, HỌC ĐẾN ĐÂU BẮM
ĐẾN ĐÓ.**

 **UNIMAP**
TÀI LIỆU - KHÓA HỌC



CÁC GÓI HỌC TẠI

Tài Liệu Khóa Học UniMap

Combo Lớp 12 2K7

Em được học **Full môn**,
Full khóa học 2k7 và
được tặng thêm Combo
2k6 và Combo 2k5.



Lẻ 1 Môn Lớp 12 2K7

Em chọn 1 môn và em
được học tất cả các thầy
cô, tất cả các khóa học
trong môn học em chọn.



Combo Nâng Tầm Tri Thức

Em được học **Full khóa**
học: ielts, toeic, sinh
viên, và các khóa kỹ
năng kiến thức chuyên
ngành phục vụ đi làm.



CÁC GÓI HỌC TẠI

Tài Liệu Khóa Học UniMap

Combo Lớp 11 2K8

Em được học **Full môn**,
Full khóa học lớp 11. Với
đầy đủ các khóa từ cơ
bản đến nâng cao và
luyện đề ôn thi học kỳ.



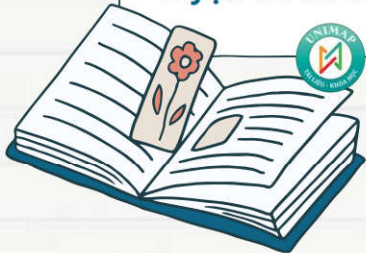
Combo Lớp 10 2K9

Em được học **Full môn**,
Full khóa học lớp 10. Với
đầy đủ các khóa từ cơ
bản đến nâng cao và
luyện đề ôn thi học kỳ.



Học Thử Miễn Phí Full Combo

Em được **học thử tất cả**
các Combo trước khi
quyết định, được truy
cập đầy đủ các khóa học
như khi đăng ký thật.





THÔNG TIN CHI TIẾT



☎ 0385792389

Admin
Vũ Đức Trọng

